

Bản án số: 79/2023/HS-ST
Ngày 31-7-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đào;

Bà Trần Ánh Nhạn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi là Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Văn B, sinh năm 1991, tại: tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Thôn CM, xã XO, huyện BT, tỉnh LC; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hồng L (đã chết) và bà Bùi Thị N; vợ, con: chưa có; tiền sự: không có; tiền án: Bản án số 149 ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xử phạt 09 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 02 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/4/2023, tạm giam ngày 18/4/2023 cho đến nay; bị cáo có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Hà Thị L sinh năm: 1971, địa chỉ: khu phố TH, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Lê Thị G, sinh năm: 1976, địa chỉ: ấp XM, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Nguyễn Thu H, sinh năm: 1978, địa chỉ: ấp PB, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Lê Nhi L1, sinh năm: 1977, địa chỉ: Ấp X, xã BĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

5. Nguyễn Đức L2, sinh năm: 1986, địa chỉ: khu phố BN, phường GN, thị xã TB, tỉnh TN; vắng mặt.

6. Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976, địa chỉ: ấp PH, xã PC, thị xã TB, tỉnh TN; vắng mặt.

7. Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm: 1968, địa chỉ: ấp ĐH, xã HT, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

8. Hứa Minh H, sinh năm: 1973, địa chỉ: ấp PHA, xã PT, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

9. Đinh Thị Hồng T1, sinh năm: 1979, địa chỉ: ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

10. Đặng Kim L3, sinh năm: 1972, địa chỉ: ấp LC, xã LG, huyện ĐH, tỉnh LA; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2023, Bùi Văn B đến thuê phòng trọ tại nhà nghỉ MH thuộc khu phố AB, phường AT, thị xã TB, tỉnh TN. Sau đó, B đến gặp những người bán cà phê, bán hàng rong ven đường và buôn bán nhỏ trong chợ giới thiệu là người cho vay tiền, rồi cho số điện thoại của B để người có nhu cầu vay tiền liên lạc. Khi cho vay tiền, B không làm hợp đồng vay, người vay tiền đưa giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân cho B giữ. B cho vay tiền với lãi suất 01%/ngày, chỉ đưa cho người vay 90% số tiền vay, thu 05% phí đi thu tiền trả góp hàng ngày và 05% tiền trả góp của ngày đầu tiên, các ngày sau đó mỗi ngày góp 05% số tiền gốc, trong thời hạn 25 ngày.

Từ đầu năm 2023 đến ngày 09/4/2023, B đã tiến hành cho 10 người vay tiền trên địa bàn huyện GD bao gồm: Hà Thị L, Lê Thị G, Nguyễn Thu H, Lê Nhi L1, Nguyễn Đức L2, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thùy V, Hứa Minh H1, Đinh Thị Hồng T1 và Đặng Kim L3 với tổng số tiền cho vay 83.000.000 đồng với mức lãi suất 365%/năm, vượt gấp 18.25 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 10.239.643 đồng.

Đến khoảng đầu tháng 3/2023, Lê Văn B1 đến ở chung với B và chở B đi thu tiền của người vay tiền, mỗi tháng B trả cho B 5.000.000 đồng. Ngày 09/4/2023, B điều khiển xe mô tô biển số 94K1-990.48 chở B đến khu vực xã Phước Đông, huyện GD để thu tiền thì bị Công an xã Phước Đông phát hiện thu giữ vật chứng là điện thoại di động có lưu số điện thoại của những người vay tiền.

Tại Cáo trạng số 67/CT-VKSGD ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đã truy tố bị cáo Bùi Văn B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” **được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.**

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ **khoản 1 Điều 201**, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Văn B từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo trình bày rất ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: **Tù**

đầu năm 2023 đến ngày 09/4/2023, trên địa bàn huyện GD, Bùi Văn B có 01 tiền án về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nhưng tiếp tục có hành vi cho 10 người vay tiền với tổng số tiền cho vay 83.000.000 đồng với mức lãi suất 365%/năm, vượt gấp 18.25 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 10.239.643 đồng. Do đó hành vi của bị cáo Bùi Văn B đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Vì vậy, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt có xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét mức đề nghị về hình phạt đối với bị cáo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu xanh, màn hình bị vỡ, số IMEI: 354581112482576; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 215, màu đen, số IMEI: 353159117492600; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu sơn đen bạc, biển số 94K1-990.48, số khung 391XLY013262, số máy JA39E1346164 đã qua sử dụng, là công cụ phương tiện của bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền Việt Nam 3.500.000 đồng thu của bị cáo là tiền bị cáo có được từ việc cho vay lãi nặng cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc bị cáo đã thu tổng cộng 38.101.000 đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật bị cáo đã thu tổng cộng 538.000 đồng, tiền phí và tiền lãi vượt mức 05 lần lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là tiền bị cáo thu lợi bất chính tổng cộng 10.239.643 đồng của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phương tiện và thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo cần truy thu nộp ngân sách nhà nước bao gồm Lê Thị G 3.800.000 đồng; Nguyễn Thu H 8.000.000 đồng; Lê Nhi L1 9.600.000 đồng;

Nguyễn Đức L2 8.400.000 đồng; Nguyễn Thị Tt 2.600.000 đồng; Nguyễn Thị Thùy V 2.258.000 đồng; Hứa Minh H1 2.800.000 đồng; Đinh Thị Hồng T1 5.040.000 đồng; Đặng Kim L3 2.400.000 đồng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền lãi thu vượt mức quy định đến 05 lần lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[7] Về án phí: bị cáo bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đối với Lê Văn B có hành vi chở B đi thu tiền của người vay nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra chuyển xử phạt vi phạm hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 01 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn B 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ tạm giam cứ mỗi ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ từ ngày 09/4/2023 đến nay là 114 ngày x 3 = 342 ngày. Do đó bị cáo Bùi Văn B còn phải chấp hành 01 (năm) 23 (hai mươi ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện BT, tỉnh LC nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Bùi Văn B cho Ủy ban nhân dân xã XQ, huyện BT, tỉnh LC để giám sát giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát giáo dục.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Bùi Văn B.

Trả tự do cho bị cáo Bùi Văn B ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu xanh, màn hình bị vỡ, số IMEI: 354581112482576; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 215, màu đen, số IMEI: 353159117492600; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave

Alpha, mã sơn đen bạc, biển số 94K1-990.48, số khung 391XLY013262, số máy JA39E1346164 đã qua sử dụng. Tiền Việt Nam: 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Truy thu đối với bị cáo Bùi Văn B số tiền 48.878.000 (bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với Lê Thị G 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với Nguyễn Thu H 8.000.000 (tám triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với Lê Nhi L1 9.600.000 (chín triệu sáu trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với Nguyễn Đức L28.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với Nguyễn Thị T2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với Nguyễn Thị Thùy V 2.258.000 (hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với Hứa Minh H1 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn đồng) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với Đinh Thị Hồng T1 5.040.000 (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với Đặng Kim L3 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền lãi thu vượt mức quy định đến 05 lần lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Văn B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TATN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKS H. Gò Dầu;
- Phòng PV06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Công an huyện Gò Dầu;
- Phòng lý lịch Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS H. Gò Dầu;
- Nhà tạm giữ CA H. Gò Dầu;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Trường